

Số: 1351 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2019

V/v báo cáo kết quả công tác tư pháp 06 tháng đầu năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Phòng chuyên môn và tương đương;
- Đơn vị trực thuộc Sở.

Thực hiện Công văn số 1746 /BTP-VP ngày 16/5/2019 của Bộ Tư pháp về việc báo cáo kết quả công tác tư pháp 06 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019, Sở Tư pháp đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo kết quả thực hiện công tác tư pháp 06 tháng đầu năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019 (theo nội dung, lĩnh vực được phân công trong Đề cương báo cáo).

1. Phạm vi, thời gian báo cáo

a) Phạm vi báo cáo:

- Tám nhóm nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2019 (tại mục I.2, Phần thứ hai của Báo cáo số 13/BC-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2019).

- Chương trình hành động của ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

- Chương trình trọng tâm công tác Tư pháp năm 2019 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 14/01/2019;

- Những lĩnh vực công tác quan trọng, nổi bật khác.

b) Thời gian báo cáo:

Thời gian báo cáo, thống kê số liệu thực tế được lấy từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/5/2019.

2. Nội dung báo cáo và phụ lục

a) Nội dung báo cáo (Đề cương kèm theo)

- Những kết quả công việc đã hoàn thành, đạt tỷ lệ phần trăm so với mục tiêu, chỉ tiêu của cả năm 2019 và so sánh với kết quả 6 tháng đầu năm 2018 (kèm theo số liệu, dẫn chứng cụ thể).

- Những hạn chế, vướng mắc trong công tác; nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc.

- Đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thực hiện công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2019.

- Kiến nghị đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp (nếu có):

b) Phụ lục kèm theo Báo cáo

- Phụ lục biểu mẫu thống kê số liệu: Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình thống kê số liệu theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.

- **Thời gian thống kê số liệu:** Số liệu thống kê thực tế tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/5/2019.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp đúng thời gian quy định, tránh ảnh hưởng đến việc đánh giá, xếp hạng của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương báo cáo nội dung, lĩnh vực được phân công trong Đề cương gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp **trước ngày 10/6/2018**, đồng thời gửi file mềm theo địa chỉ hộp thư ngocphucstp@gmail.com.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng Tư pháp các huyện, TX. Long Khánh, TP. Biên Hòa;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thị Xuân Đào

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019

Phần thứ nhất:
TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Triển khai các văn bản của cấp trên;
- Kiểm tra, hướng dẫn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

- Về xây dựng pháp luật, thẩm định, góp ý VBQPPL: Nêu rõ số lượng, đánh giá về chất lượng công tác xây dựng pháp luật, thẩm định (bao gồm cả việc chuẩn bị hồ sơ thẩm định), góp ý VBQPPL.

- Về kiểm tra VBQPPL: Kết quả kiểm tra theo thẩm quyền, trong đó nêu rõ số lượng văn bản được kiểm tra? số văn bản trái pháp luật đã được phát hiện? trong đó, bao nhiêu văn bản sai nội dung? bao nhiêu văn bản sai thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai cả nội dung và thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai khác? Đánh giá về hậu quả của việc ban hành văn bản trái pháp luật; đồng thời gửi kèm danh mục những văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được phát hiện qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền (nếu có).

Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật: số văn bản đã được xử lý, số văn bản chưa được xử lý? Việc xử lý trách nhiệm do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL: Kết quả rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực; việc công bố văn bản hết hiệu lực.

- Kết quả tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và bố trí kinh phí, nhân lực cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa.

2. Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở

- Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác PBGDPL; các văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn công tác PBGDPL năm 2019.

- Kết quả triển khai thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; triển khai Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017- 2021 và các Đề án về PBGDPL; triển khai các Chương trình phối hợp về công tác PBGDPL với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (nếu có). Việc triển khai thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng

cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”.

- Kết quả triển khai thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; kết quả hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022”.

- Kết quả thực hiện quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Các hoạt động đã thực hiện; kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 (số đơn vị cấp xã đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn).

- Số liệu về kinh phí dành cho công tác PBGDPL, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở 3 cấp và hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở năm 2019 tại địa phương.

3. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính;

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật (việc thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật; các lĩnh vực trọng tâm đã thực hiện...). Tình hình thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 – 2022 (theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước

- Về công tác hộ tịch, đề nghị báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; việc đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch; tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch, thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024.

- Về công tác quốc tịch, đề nghị:

+ Đánh giá tình hình thực hiện tại 10 tỉnh có chung đường biên giới với Lào “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước CHDCND Lào về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”;

+ Tình hình phối hợp với Công an tỉnh trong việc triển cấp Thẻ thường trú cho người di cư tự do từ Campuchia về; Cập nhật bổ sung và cung cấp số liệu người dân di cư từ Campuchia về từ cuối năm 2016 đến nay đối với 10 tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia và 02 tỉnh Cà Mau, Đồng Nai khi thực hiện Tiêu Đề án “Giải quyết các vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người dân di cư tự do từ Campuchia về nước”.

- Về lĩnh vực chứng thực, tình hình thi hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản tại địa phương.

- Về công tác nuôi con nuôi, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) Việc triển khai Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 5/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới; Quy chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về giải quyết việc nuôi con nuôi và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tăng cường công tác nuôi con nuôi tại địa phương; (2) công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi; (3) tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, hủy bỏ; chấm dứt việc nuôi con nuôi; nuôi con nuôi ở khu vực biên giới; con nuôi nhà chùa; việc thay đổi hộ tịch của con nuôi); (4) tình hình đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, hủy bỏ; công tác lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế; số lượng cơ sở nuôi dưỡng tham gia vào công tác việc nuôi con nuôi).

- Về công tác lý lịch tư pháp (LLTP), trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) kết quả chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản, đề án trong lĩnh vực LLTP; (2) tình hình cấp phiếu LLTP: Tổng số hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu; tổng số Phiếu đã cấp; tổng số Phiếu cấp đúng hạn, cấp trễ hạn; việc triển khai cấp phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu LLTP trực tuyến; việc triển khai thực hiện Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP; (3) công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP: Tổng số thông tin LLTP nhận được; tổng số thông tin LLTP đã xử lý; tổng số bản LLTP đã lập và số tồn chưa xử lý; (4) việc rà soát đối tượng người bị kết án đương nhiên được xóa án tích theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; (5) Về phối hợp liên ngành trong công tác LLTP.

- Về công tác bồi thường nhà nước, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; (2) tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả (tổng số vụ việc yêu cầu bồi thường (số vụ việc từ kỳ trước chuyển sang, vụ việc thụ lý mới), vụ việc đã giải quyết, tổng số tiền theo quyết định giải quyết bồi thường, số tiền đã chi trả, số tiền đã hoàn trả); (3) công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật TNBTCNN năm 2017.

5. Quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Tình hình tổ chức và hoạt động của luật sư trong nước, của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; việc chuẩn bị và tổ chức đại hội Đoàn luật sư ở địa phương; tình hình tổ chức và hoạt động công chứng, việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng theo quy định; tình hình tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản; việc triển khai các quy định về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; việc triển khai Nghị định hòa giải thương mại; hoạt động quản lý về giám định tư pháp, thừa phát lại, trọng tài thương mại. Việc thực hiện chủ trương xây dựng các “đơn vị đầu tàu” dẫn dắt các hoạt động hỗ trợ tư pháp như công chứng, đấu giá tài sản... ở địa phương.

- Kết quả công tác trợ giúp pháp lý: Tình hình thực hiện Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết thi hành; tình hình triển khai Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025; kết quả thực hiện TGPL tại địa phương.

- Kết quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Việc xây dựng, triển khai các văn bản, kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; kết quả triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

6. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật

- Về công tác pháp luật quốc tế: tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế (nếu có).
- Về công tác hợp tác quốc tế về pháp luật (nếu có).

7. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học pháp lý

- Hoàn thiện thể chế, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan tư pháp, pháp chế. Tình hình thực hiện Công văn số 308-CV/BCSD ngày 16/8/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đề nghị phối hợp chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong công tác tư pháp và công tác cán bộ Ngành Tư pháp.

- Thông kê đội ngũ cán bộ Lãnh đạo Sở Tư pháp theo Biểu mẫu gửi kèm.

- Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Nêu kết quả trong từng lĩnh vực cụ thể.

9. Quản lý nhà nước về công tác pháp chế

Quản lý nhà nước trong công tác pháp chế; tình hình xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế...

10. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính; thi đua khen thưởng

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm cả: (1) tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại khoản 6, Điều 23, Nghị định số 52/2015/NĐ-CP; trong đó nêu rõ: Số lượng văn bản đã cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật/Số lượng văn bản đã ban hành; thực hiện việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố, việc rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; (2) tình hình triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch: tình hình khai thác, cập nhật dữ liệu hộ tịch, khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Công tác cải cách hành chính.

- Công tác thi đua khen thưởng.

III . ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những kết quả nổi bật.

2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân.

Phần thứ hai:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC

6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

1. Nhiệm vụ công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2019 (*nhiệm vụ trên các lĩnh vực công tác cụ thể nêu tại mục I, Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo*).

2. Giải pháp chủ yếu (*giải pháp chủ yếu, đột phá trong công tác tư pháp*).

3. Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).